TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2024/DS-ST
Ngày: 26-7-2024
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2024/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L (viết tắt Kienlongbank)

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu K - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1943 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh Huỳnh Thanh H1, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 26 tháng 5 năm 2021, bà Lê Thị H có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 428/21/HĐTD/1006-1378 với Ngân hàng Thương mại cổ phần L để vay số tiền gốc là 300.000.000 đồng, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 07 tháng, ngày đến hạn là ngày 26/12/2021, lãi suất thỏa thuận là 11,1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Quá trình vay, phía bà H đã thực hiện nghĩa vụ đóng lãi được số tiền là 16.768.849 đồng và sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 26/11/2021, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Phía Ngân hàng Thương mại cổ phần L cũng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần L bị xâm phạm nên khởi kiện yêu cầu phía bà H thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là 132.493.008 đồng trong đó nợ trong hạn là 19.523.835 đồng, lãi quá hạn 129.048.904 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 707.118 đồng. Tổng tiền gốc và lãi bà H phải trả là 432.493.008 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần L còn yêu cầu phía bà H phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần đã được các bên ký kết. Trường hợp bà H không trả được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 417, 418, 419 tờ bản đồ số 15, tổng diện tích được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 15.064m^2 tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang để thu hồi nợ

Tại bản tự khai của bị đơn bà Lê Thị H và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà H xác định: Bà H thừa nhận có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng từng lần với phía Ngân hàng thương mại cổ phần L để vay số tiền gốc là 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ cũng như số tiền lãi đã trả. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần L yêu cầu bà H trả khoản nợ vay gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là 432.493.008 đồng, bà H thừa nhận và đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi năm là 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp không trả được nợ, bà H thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H giao trả số tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bà H có địa chỉ cư trú tại xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Nguyễn Hữu K với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Khôn nhưng anh K có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà H thừa nhận giữa bà H và Ngân hàng TMCP L có ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 428/21/HĐTD/1006-1378 vào ngày 26/5/2021. Hiện bà H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần L khoản nợ vay gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tính từ ngày 26/5/2021 cho đến ngày xét xử là 132.493.008 đồng (trong đó lãi trong hạn là 19.523.835 đồng, lãi quá hạn là 129.048.904 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 707.118 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử 26/7/2024 theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng số 428/21/HĐTD/1006-1378 vào ngày 26/5/2021 cho đến khi bà H trả xong nợ. Trường hợp bà H không trả được khoản nợ vay trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 417, thửa 418 và thửa 419, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 15.064m^2 tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 426/18/HĐTCV-BĐS/1006-1378. Do các bên thống nhất với nhau về khoản nợ nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 11; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có đủ cơ sở để buộc bà Lê Thị H trả khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần L. Tuy nhiên, giữa các bên không thỏa thuận được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quyết định khi án có hiệu lực thi hành.

[3] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 432.495.008 đồng = (20.000.000 đồng của số tiền 400.000.000 đồng) + (4 % x 32.195.008 đồng) = 25.199.201 đồng, làm tròn là 25.199.000 đồng.

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP L được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 25.199.000 đồng nhưng do bà H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí nên bà H được miễn nộp án phí.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005757 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

Buộc bà Lê Thị H giao trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và khoản lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 26/7/2024) là 132.493.008 đồng (một trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, không trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26-7-2024), bà Lê Thị H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận ký kết tại hợp đồng tín dụng từng lần số 428/21/HĐTD/1006-1378 ngày 26/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L .

Ngân hàng thương mại cổ phần L chịu trách nhiệm giao trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho bà Lê Thị H sau khi bà H tất toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần L.

Trường hợp bà H không trả được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 417, thửa 418, thửa 419 tờ bản đồ số 15, tổng diện tích chung được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 15.064m^2 tọa lạc tại ấp Voi Sơn, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Bà H thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.750.000 đồng (chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005757 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày; đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (ngày

26-7-2024); đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cẩm Hương